SỞ Y TẾ TỈNH KHÁNH HÒA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC NINH HÒA

Số: 1301 /BVNH-TCKT
V/v thực hiện kê khai giá hàng hóa, dịch vụ do Sở Y tế quản lý trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Ninh Hòa, ngày 07 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Thực hiện công văn số 287/SYT-KHTC ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Sở Y tế tỉnh Khánh Hoà về việc thực hiện kê khai giá hàng hóa, dịch vụ do Sở Y tế quản lý trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Được sự thống nhất của tập thể lãnh đạo Bệnh viện và Ban chỉ đạo thực hiện Nghị định 60/2021/NĐ-CP tại Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ninh Hòa; Bệnh viện triển khai thực hiện các dịch vụ y tế theo yêu cầu *(Đính kèm Phụ lục danh mục dịch vụ y tế theo yêu cầu)*

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 07/10/2026.

Bệnh viện Đa khoa khu vực Ninh Hòa xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

Trân trọng./.

Nơi nhận: (VBĐT)
- Như trên;
- Lãnh đạo BV;
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH KHÁNH HÒA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC NINH HÒA

Lê Quang Lệnh

Phụ lục

BẢNG KÊ KHAI GIÁ DỊCH VỤ Y TẾ THEO YÊU CẦU

(Đính kèm Công văn số 1301/BVNH-TCKT ngày 07/10/2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Ninh Hoà)

1. Mức giá kê khai dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu:

Đơn vị: đồng

STT	Danh mục	Giá kê khai	Ghi chú
1	**Dịch vụ phòng yêu cầu (giá viện phí + thu thêm)**		
1.1	Loại 1 giường/phòng	600.000	
1.2	Loại 2 giường/phòng	400.000	
1.3	Loại 3giường/phòng	300.000	
1.4	Loại 4 giường/phòng	250.000	
2	**Dịch vụ chọn Bác sĩ phẫu thuật**		
2.1	Phẫu thuật loại 1	2.000.000	
2.2	Phẫu thuật loại 2	1.500.000	
2.3	Phẫu thuật loại 3	1.000.000	
3	Dịch vụ đỡ đẻ chọn Bác sĩ	1.200.000	
4	**Dịch vụ chiếu tia Plasma điều trị vết thương, vết mổ nhiễm trùng, Vết thương cuốn rốn.**		
4.1	Loại 1 (Vết thương trên 20 cm2)	350.000	
4.2	Loại 2 (Vết thương trên 10 cm2 đến 20 cm2)	300.000	
4.3	Loại 3 (Vết thương từ 5 cm2 đến 10 cm2); Vết thương cuốn rốn.	250.000	
5	Dịch vụ đo loãng xương bằng Siêu âm	80.000	
6	Dịch vụ nội soi Dạ dày có gây mê	500.000	
7	Dịch vụ nội soi Đại tràng có gây mê	550.000	
8	Dịch vụ nội soi Dạ dày và Đại tràng có gây mê	800.000	
9	Dịch vụ nhân bản giấy khám sức khỏe, lái xe, sao kết quả cận lâm sàng	10.000	
10	GÓI KHÁM SỨC KHOẺ DÀNH CHO NAM	1.796.260	
11	GÓI KHÁM SỨC KHOẺ DÀNH CHO NỮ < 30 TUỔI	1.898.955	
12	GÓI KHÁM SỨC KHOẺ DÀNH CHO NỮ ≥ 30 TUỔI	2.189.100	

13	GÓI KHÁM SỨC KHOẺ DÀNH CHO NAM LỚN TUỔI	2.711.775	
14	GÓI KHÁM SỨC KHOẺ DÀNH CHO NỮ LỚN TUỔI	3.104.615	
15	Dịch vụ tiêm huyết thanh SAT	90.000	
16	GÓI ĐỒ ĐÓN BÉ CHÀO ĐỜI	120.000	
17	***Gói 1:*** Khám và xét nghiệm sàng lọc lần đầu cho thai phụ nguy cơ cao	300.000	
18	**Gói 2:** Nghiệm pháp dung nạp Glucose OGTT 75g (tuần 24–28)	200.000	

- Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu chỉ áp dụng cho người tự nguyện đăng ký sử dụng các dịch vụ này.

2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá: không

3.Ghi rõ các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng: không

4. Ghi rõ mức thuế giá trị gia tăng đã bao gồm trong giá: dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 07/10/2026.